

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung
Hạng mục: Trưng bày mỹ thuật, hiện vật lịch sử, tượng đài, phù điêu,
tranh hoành tráng và các tác phẩm nghệ thuật
tại Nhà trưng bày Bảo tàng Quang Trung

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 631/TTr-STC ngày 09/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên công trình: Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung

Hạng mục: Trưng bày mỹ thuật, hiện vật lịch sử, tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng và các tác phẩm nghệ thuật tại Nhà trưng bày Bảo tàng Quang Trung.

- Chủ đầu tư: Sở Văn hóa và Thể thao Bình Định

- Địa điểm xây dựng: Bảo tàng Quang Trung, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định

- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định

- Thời gian khởi công – hoàn thành: từ ngày 11/01/2019 đến ngày 30/5/2020

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|----------------|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng số | | 42.295.263.000 | 41.766.770.000 |
| I | Chi phí xây dựng | 32.772.896.000 | 32.458.764.000 |
| A | <i>Phần việc do Công ty TNHH MTV Bảo tồn Di sản Văn hóa thực hiện</i> | <i>31.375.657.000</i> | <i>31.106.846.000</i> |
| 1 | Phần mỹ thuật | 26.194.755.000 | 26.069.999.000 |
| 2 | Phần đai, bục, bệ | 4.653.917.000 | 4.524.276.000 |
| 3 | Phần điện chiếu sáng | 526.985.000 | 512.571.000 |
| B | <i>Phần việc do Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Đại Trường thực hiện</i> | <i>1.397.239.000</i> | <i>1.351.918.000</i> |
| 1 | Phần điều hòa không khí + Báo cháy | 1.397.239.000 | 1.351.918.000 |
| II | Chi phí thiết bị | 8.112.119.000 | 8.051.615.000 |
| A | <i>Phần việc do Công ty TNHH MTV Bảo tồn Di sản Văn hóa thực hiện</i> | <i>5.330.512.000</i> | <i>5.330.512.000</i> |
| 1 | Phần thiết bị trưng bày nội thất và số hóa | 816.297.000 | 816.297.000 |
| 2 | Phần mềm số hóa và công nghệ chiếu phim 3D | 4.143.900.000 | 4.143.900.000 |
| 3 | Hệ thống PCCC | 370.315.000 | 370.315.000 |
| B | <i>Phần việc do Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Đại Trường thực hiện</i> | <i>2.781.607.000</i> | <i>2.721.103.000</i> |
| 1 | Phần thiết bị hạng mục điều hòa không khí và báo cháy | 2.781.607.000 | 2.721.103.000 |
| III | Chi phí quản lý dự án | 305.780.000 | 305.780.000 |
| IV | Tư vấn đầu tư xây dựng công trình | 779.612.000 | 758.243.000 |
| 1 | Chi phí thiết kế bản vẽ thi công | 197.735.000 | 197.735.000 |
| 2 | Chi phí giám sát thi công xây dựng | 96.660.000 | 76.577.000 |
| 3 | Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị | 42.792.000 | 42.746.000 |
| 4 | Chi phí giám sát, chỉ đạo thi công phần mỹ thuật | 220.349.000 | 219.109.000 |
| 5 | Chi phí thẩm định dự toán phần mỹ thuật | 136.615.000 | 136.615.000 |
| 6 | Chi phí thẩm định dự toán phần thiết bị | 85.461.000 | 85.461.000 |
| V | Chi phí khác | 324.856.000 | 192.368.000 |
| 1 | Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (phần đai bục bệ, điện chiếu sáng, điều hòa không khí và PCCC) | 1.916.000 | 0 |
| 2 | Chi phí thẩm định dự toán (phần đai bục bệ, điện chiếu sáng, điều hòa không khí và PCCC) | 13.218.000 | 0 |

| Số TT | Nội dung | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|-------|---|--------------------|--------------------|
| 3 | Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng | 3.850.000 | 3.850.000 |
| 4 | Chi phí thẩm định hồ sơ PCCC | 500.000 | 0 |
| 5 | Chi phí kiểm toán | 234.950.000 | 145.200.000 |
| 6 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 70.422.000 | 43.318.000 |

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được duyệt | Thực hiện | | | |
|------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---|---|
| | | | Giá trị quyết toán | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán |
| | Tổng số | 42.295.263.000 | 41.766.770.000 | 39.956.235.000 | 2.132.144.000 | 321.609.000 |
| 1 | Vốn đầu tư công | | | 39.956.235.000 | | |
| 1.1 | Vốn Ngân sách nhà nước | | | 39.956.235.000 | | |
| | - Vốn hỗ trợ có mục tiêu | | | 3.850.000 | | |
| | - Vốn ngân sách tỉnh | | | 39.952.385.000 | | |
| | + Vốn xã số kiến thiết | | | 1.690.565.000 | | |
| | + Vốn ngân sách khác | | | 38.261.820.000 | | |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số | | | 41.766.770.000 | 41.766.770.000 |
| Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | | | 41.766.770.000 | 41.766.770.000 |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản
- 4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không
- 4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không
5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn | Số tiền | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------------------|---------|
| Tổng số | 41.766.770.000 | |
| 1. Đã bố trí : | 39.956.235.000 | |
| - Vốn hỗ trợ có mục tiêu | 3.850.000 | |
| - Vốn ngân sách tỉnh | 39.952.385.000 | |
| + <i>Vốn xổ số kiến thiết</i> | <i>1.690.565.000</i> | |
| + <i>Vốn ngân sách khác</i> | <i>38.261.820.000</i> | |
| 2. Vốn còn phải thu hồi | 321.609.000 | |
| 3. Chưa bố trí | 2.132.144.000 | |

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 321.609.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng (*phần việc do Công ty TNHH MTV Bảo tồn Di sản Văn hóa thực hiện*) 268.809.000 đồng

- Chi phí thiết bị (*phần việc do Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Đại Trường thực hiện*)

52.800.000 đồng

+ Tổng nợ phải trả: 2.132.144.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng (*phần việc do Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Đại Trường thực hiện*) 209.721.000 đồng

- Chi phí thiết bị (*phần việc do Công ty TNHH MTV Bảo tồn Di sản Văn hóa thực hiện*) 1.813.034.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án 26.336.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 39.735.000 đồng

+ *Chi phí thiết kế bản vẽ thi công* 39.735.000 đồng

- Chi phí khác 43.318.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 43.318.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định |
|------------------------------|-------------------------|
| Bảo tàng Quang Trung | 41.766.770.000 |

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh L. H. Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K1.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang